

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 9 - 2025

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Bảo.

2. Bà Ngô Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham dự.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2025/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Anh T**, sinh năm 1998 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp I Chợ, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ hiện nay: Ấp I, xã Đ, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hồng T1**, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ hiện nay: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai đề cùng ngày 14/7/2025 của nguyên đơn Nguyễn Thị Anh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Anh T và anh Nguyễn Hồng T1 qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán và có đăng ký kết hôn vào ngày 03/10/2022 tại Ủy ban

nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống ở bên gia đình chồng tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long). Thời gian đầu thì vợ chồng chung sống rất hạnh phúc cho đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi với nhau dẫn đến cuộc sống chung không thể kéo dài, từ đó chị T trở về sống chung với gia đình cha mẹ ruột cho đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân nhau thì anh T1 không có liên lạc, hỏi thăm đến cuộc sống của chị dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để đoàn tụ lại được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Khả Á, sinh ngày 27/9/2023, hiện đang sống chung với chị Thu T2 thời gian vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không có yêu cầu anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến hiện nay thì bị đơn cư trú tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long quy định tại Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH25 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa do không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng các đương sự quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Anh T và anh Nguyễn Hồng T1 tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/10/2022 tại Ủy

ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Chị T cho rằng trong quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi với nhau dẫn đến cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị T trở về sống chung với gia đình cha mẹ ruột. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để đoàn tụ lại được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T1.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T1, trong đó thể hiện toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của chị T. Tuy nhiên, đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay thì anh T1 vẫn chưa có ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và chưa nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Thực tế cho thấy, chị T và anh T1 không còn chung sống với nhau trong thời gian dài, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau dẫn đến hôn nhân giữa chị T và anh T1 ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, theo yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh T1 là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Anh T và anh Nguyễn Hồng T1 chung sống với nhau có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Khả Á, sinh ngày 27/9/2023. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho con.

Xét thấy, cháu Khả Á do chị T trực tiếp nuôi dưỡng trong khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân, nhưng vẫn đảm bảo về điều kiện, khả năng của chị T trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và tính đến thời điểm hiện nay thì cháu Khả Á chưa đủ 36 tháng tuổi. Để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, sự gắn bó, thân thiết của con với mẹ. Vì vậy, theo yêu cầu của chị T được tiếp tục nuôi cháu Khả Á và tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng là có cơ sở và phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Anh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Anh T được ly hôn với anh Nguyễn Hồng T1.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Khả Á, sinh ngày 27/9/2023 cho chị Nguyễn Thị Anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Anh T tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Hồng T1 cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Hồng T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Anh T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001873 ngày 13/8/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về thời hạn kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Anh T và anh Nguyễn Hồng T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV3 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS KV3 – Vĩnh Long;
- UBND xã Tân Quới;
- Các đ/s;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa